

HOA NÔNG NỮ CHÔ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :291

Sang : Bún riêu thốt tom kho cá chua trứng
gia nấu hu huyết ngo gai
Sữa grow
Trữa : Cơm cá ba sa kho gừng. Canh nấu nấu
thốt bơ rau hưng
Món xào: rau muống
Xe: bánh flan
Xe chiều: Hu tít tom mỡ thốt cá rô t nam
môp gia hệ củ cải

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36982				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHÔ			
1	Ram (muoi)	2,000	1,060	21,200
2	Tom kho	200	79,870	159,740
3	Cá ba sa	11,000	13,760	1,513,600
4	Tom bien	1,000	36,540	365,400
5	Mỡ tỏi	1,000	34,020	340,200
6	Nước mắm Cá (loại 1)	3,000	6,160	184,800
7	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
8	Nông cat	5,000	3,880	194,000
9	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
10	Xì dầu	1,000	990	9,900
11	Gừng tỏi	300	7,560	22,680
12	Gạo tẻ may	16,000	2,630	420,800
13	Hu tít	15,000	1,820	273,000
14	Hành lá	1,500	5,250	78,750
15	Hành củ tỏi	1,000	6,300	63,000
16	Cá rô	2,000	5,570	111,400
17	Gia nấu xanh	2,000	2,730	54,600
18	Cá chua	3,000	7,350	220,500
19	Rau mùi tàu (ngo gai)	100	6,510	6,510
20	Nam rôm	500	14,180	70,900
21	Môp	2,000	4,200	84,000
22	Củ cải trắng	500	3,050	15,250
23	Hệ lá	100	4,830	4,830
24	Toi	600	7,460	44,760
25	Rau muống	3,500	3,360	117,600
26	Nu nấu xanh	9,000	3,680	331,200
27	Rau hưng	100	11,030	11,030
28	Bún	16,000	1,710	273,600
29	Nấu hu chiên	3,000	3,300	99,000
30	Bánh flan	29,100	6,770	1,970,070
31	Thốt lớn nạc	7,700	18,800	1,447,600
32	Tiệt luộc	1,500	4,180	62,700
33	Thốt bơ loại 1	1,200	37,800	453,600
34	Trứng vịt	2,500	5,400	135,000
Cong				9,388,320
	*XUẤT KHO			
35	Sữa bột Abbott Grow	6,700	20,500	1,373,500
Cong				1,373,500
Tổng tiền thức phẩm				10,761,820 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nộp chi trong ngày				10767000(đ)
Số dư đầu ngày				0(đ)
Số dư cuối ngày				5180(đ)
Xuất ăn lũy kế từ đầu tháng				
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				